BÀI TẬP ÔN HÈ – NGỮ ÂM

MÔN: TIẾNG ANH 6 ILEARN SMART WORLD

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Choose the word which has the underlined part pronounced diferently from the others.

1. A. customer	**B.** sticker	**C.** student	**D.** question
2. A. stay	**B.** listen	**C.** student	**D.** start
3. A. recycle	**B.** reusable	**C.** simple	**D.** pleasure
4. A. single	**B.** blessing	**C.** simple	**D.** bottle
5. A. phone	**B.** cold	**C.** postcard	**D.** forest
6. A. stops	**B.** bags	**C.** cleans	**D.** has
7. A. although	**B.** there	**C.** tooth	**D.** weather
8. A. theatre	**B.** third	**C.** month	**D.** then
9. A. heat	**B.** bread	**C.** team	**D.** meat
10. A. beside	**B.** frequent	**C.** even	**D.** female

Choose the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

11. A. quiet	**B.** silent	**C.** busy	**D.** aloud
12. A. interesting	**B.** exciting	**C.** relaxing	**D.** surprising
13. A. simple	**B.** alive	**C.** narrow	**D.** modern
14. A. exhausting	**B.** amazing	**C.** listening	**D.** annoying
15. A. backpack	**B.** contain	**C.** landscape	**D.** wireless
16. A. workshop	**B.** plaster	**C.** afford	**D.** cable
17. A. reply	**B.** pollute	**C.** future	**D.** machine
18. A. allowing	**B.** covering	**C.** becoming	**D.** depending
19. A. reporting	**B.** managing	**C.** expecting	**D.** replying
20. A. delivering	**B.** encouraging	**C.** considering	**D.** happening

----------THE END----------

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. D	2. B	3. D	4. B	5. D	6. A	7. C	8. D	9. B	10. A
11. D	12. A	13. B	14. D	15. B	16. C	17. C	18. B	19. B	20. D

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Phương pháp chung:

- Đọc các từ để xác định phát âm của từ được gạch chân.

- Trong trường học chưa biết cách đọc có thể tra từ điển Anh - Anh để xác định kí hiệu phiên âm của phần được gạch chân.

- So sánh để chọn ra đáp án có phần được gạch chân đọc khác với các từ còn lại.

1. D

A. customer /ˈkʌstəmə(r)/

B. sticker /ˈstɪkə(r)/

C. student /ˈstjuːdnt/

D. question /ˈkwestʃən/

Phần được gạch chân ở phương án D được phát âm /stʃ/, các phương án còn lại phát âm /st/.

Chọn D

2. B

A. stay /steɪ/

B. listen /ˈlɪsn/

C. student /ˈstjuːdnt/

D. start /stɑːt/

Phần được gạch chân ở phương án B được phát âm /s/, các phương án còn lại phát âm /st/.

Chọn B

3. D

A. recycle /ˌriːˈsaɪkl/

B. reusable /ˌriːˈjuːzəbl/

C. simple /ˈsɪmpl/

D. pleasure /ˈpleʒə(r)/

Phần được gạch chân ở phương án D được phát âm /le/, các phương án còn lại phát âm /l/.

Chọn D

4. B

A. single /ˈsɪŋgl/

B. blessing /ˈblesɪŋ/

C. simple /ˈsɪmpl/

D. bottle /ˈbɒtl/

Phần được gạch chân ở phương án B được phát âm /le/, các phương án còn lại phát âm /l/.

Chọn B

5. D

A. phone /fəʊn/

B. cold /kəʊld/

C. postcard /ˈpəʊstkɑːd/

D. forest /ˈfɒrɪst/

Phần được gạch chân ở phương án D được phát âm /ɒ/, các phương án còn lại phát âm /əʊ/.

Chọn D

6. A

A. stops /stɒp**s**/

B. bags /bæg**z**/

C. cleans /kliːn**z**/

D. has /hæ**z**/

Phần được gạch chân ở phương án A được phát âm /s/, các phương án còn lại phát âm /z/.

Chọn A

7. C

A. although /ɔːlˈ**ð**əʊ/

B. there /**ð**eə(r)/

C. tooth /tuː**θ**/

D. weather /ˈwe**ð**ə(r)/

Phần được gạch chân ở phương án C được phát âm /θ/, các phương án còn lại phát âm /ð/.

Chọn C

8. D

A. theatre /ˈ**θ**ɪətə(r)/

B. third /**θ**ɜːd/

C. month /mʌn**θ**/

D. then /**ð**en/

Phần được gạch chân ở phương án D được phát âm /ð/, các phương án còn lại phát âm /θ/.

Chọn D

9. B

A. heat /h**i**ːt/

B. bread /br**e**d/

C. team /t**i**ːm/

D. meat /m**i**ːt/

Phần được gạch chân ở phương án B được phát âm /e/, các phương án còn lại phát âm /iː/.

Chọn B

10. A

A. beside /bɪˈsaɪd/

B. frequent /ˈfriːkwənt/

C. even /ˈiːvn/

D. female /ˈfiːmeɪl/

Phần được gạch chân ở phương án A được phát âm /ɪ/, các phương án còn lại phát âm /iː/.

Chọn A

Phương pháp chung:

- Đọc các từ để xác định trọng âm chính của từ.

- Trọng âm là âm tiết khi đọc lên nghe như chứa dấu sắc trong tiếng Việt.

- Trong trường học chưa biết cách đọc có thể tra từ điển Anh - Anh để xác định kí hiệu trọng âm là dấu nháy trên ngay trước âm tiết.

- So sánh để chọn ra đáp án có trọng âm khác với các từ còn lại.

11. D

A. quiet /ˈkwaɪət/ => trọng âm 1

B. silent /ˈsaɪlənt/ => trọng âm 1

C. busy /ˈbɪzi/ => trọng âm 1

D. aloud /əˈlaʊd/ => trọng âm 2

Phương án D có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chọn D

12. A

A. interesting /ˈɪntrəstɪŋ/ => trọng âm 1

B. exciting /ɪkˈsaɪtɪŋ/ => trọng âm 2

C. relaxing /rɪˈlæksɪŋ/ => trọng âm 2

D. surprising /səˈpraɪzɪŋ/ => trọng âm 2

Phương án A có trọng âm 1, các phương án còn lại có trọng âm 2.

Chọn D

13. B

A. simple /ˈsɪmpl/ => trọng âm 1

B. alive /əˈlaɪv/ => trọng âm 2

C. narrow /ˈnærəʊ/ => trọng âm 1

D. modern /ˈmɒdn/ => trọng âm 1

Phương án B có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chọn B

14. D

A. exhausting /ɪgˈzɔːstɪŋ/ => trọng âm 2

B. amazing /əˈmeɪzɪŋ/ => trọng âm 2

C. listening /ˈlɪs(ə)nɪŋ/ => trọng âm 1

D. annoying /əˈnɔɪɪŋ/ => trọng âm 2

Phương án C có trọng âm 1, các phương án còn lại có trọng âm 2.

Chọn D

15. B

A. backpack /ˈbækpæk/ => trọng âm 1

B. contain /kənˈteɪn/ => trọng âm 2

C. landscape /ˈlændskeɪp/ => trọng âm 1

D. wireless /ˈwaɪələs/ => trọng âm 1

Phương án B có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chọn B

16. C

A. workshop /ˈwɜːkʃɒp/ => trọng âm 1

B. plaster /ˈplɑːstə(r)/ => trọng âm 1

C. afford /əˈfɔːd/ => trọng âm 2

D. cable /ˈkeɪbl/ => trọng âm 1

Phương án C có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chọn C

17. C

A. reply /rɪˈplaɪ/ => trọng âm 2

B. pollute /pəˈluːt/ => trọng âm 2

C. future /ˈfjuːtʃə(r)/ => trọng âm 1

D. machine /məˈʃiːn/ => trọng âm 2

Phương án C có trọng âm 1, các phương án còn lại có trọng âm 2.

Chọn C

18. B

A. allowing /əˈlaʊɪŋ/ => trọng âm 2

B. covering /ˈkʌvərɪŋ/ => trọng âm 1

C. becoming /bɪˈkʌmɪŋ/ => trọng âm 2

D. depending /dɪˈpendɪŋ/ => trọng âm 2

Phương án B có trọng âm 1, các phương án còn lại có trọng âm 2.

Chọn B

19. B

A. reporting /rɪˈpɔːtɪŋ/ => trọng âm 2

B. managing /ˈmænɪdʒɪŋ/ => trọng âm 1

C. expecting /ɪkˈspektɪŋ/ => trọng âm 2

D. replying /rɪˈplaɪɪŋ/ => trọng âm 2

Phương án B có trọng âm 1, các phương án còn lại có trọng âm 2.

Chọn B

20. D

A. delivering /dɪˈlɪvərɪŋ/ => trọng âm 2

B. encouraging /ɪnˈkʌrɪdʒɪŋ/ => trọng âm 2

C. considering /kənˈsɪdərɪŋ/ => trọng âm 2

D. happening /ˈhæpənɪŋ/ => trọng âm 1

Phương án D có trọng âm 1, các phương án còn lại có trọng âm 2.

Chọn D